

Số 507 /BVLVBP
V/v Yêu cầu chào giá vật tư,
hóa chất xét nghiệm Xpert,
phết tế bào và nuôi cấy;
Mantoux HIV năm 2025.

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất xét nghiệm Xpert, phết tế bào và nuôi cấy; Mantoux HIV năm 2025. Mời các nhà cung ứng có đủ năng lực theo quy định tham gia chào giá vật tư y tế cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bảng ký đóng dấu gửi về : Phòng Tổ chức hành chính – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận

Thông tin người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phương – Khoa Dược
– VTYT – SĐT: 0979.168.211

File mềm gửi vào địa chỉ Mail: dauthaubvlvpnt@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15 h 00 phút ngày 04 tháng 6 năm 2025 đến 15 h 00 phút ngày 13 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, hóa chất (Theo phụ lục 1 đính kèm)
- Mẫu báo giá (Theo phụ lục 2 đính kèm)

Các thông tin khác

- Số lượng báo giá: 01 bảng có dấu đỏ
- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận kính mời các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá đúng thời gian nêu trên./.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Trọng Danh

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC HÓA CHẤT VẬT TƯ Y TẾ XÉT NGHIỆM XPERT, PHẾT TẾ BÀO VÀ NUÔI CẤY; MANTOUX VÀ HIV XIN BÁO GIÁ NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số: 507 /BVLVBP ngày 03 tháng 6 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Băng cá nhân	Chất liệu Vải co giãn Thành phần Polyethylene Kích thước dài 7,2cm x rộng 3,8cm Hộp ≥102 miếng	Miếng	816	
2	Bơm tiêm dùng một lần	Bơm tiêm được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, vạch chia dung tích rõ nét. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, Bì 1 cái dung tích 1 ml vô trùng, kim 23G - 25G	Cái	8.200	
3	Bông gòn y tế	Được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Đóng gói ≥ 1kg	Bì	11	
4	Bông gòn y tế cắt miếng	Được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Được cắt thành miếng kích thước 2cm x 2cm. Đóng gói ≥ 100gr	Bì	110	
5	Cồn 70 ⁰	Chất lỏng không màu, trong suốt. Dùng trong y tế, nồng độ cồn 70 ⁰ . Chai ≥ 500ml	Chai	180	
6	Đầu côn vàng	Chất liệu nhựa PP, dung tích 200ui	Cái	700	
7	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Chlorhexidine Gluconate 4%, Chai ≥500ml	Chai	214	
8	Đồng hồ hẹn giờ	Hẹn giờ thông báo thời gian chính xác tới từng giây sử dụng trong phòng thí nghiệm	Cái	7	
9	Găng tay y tế chưa tiệt trùng	Găng tay cao su không bột, các cỡ	Đôi	15.000	
10	Giá để ống ly tâm	Chất liệu nhựa PP, đựng ống ly tâm 50ml Chứa được ≥ 20 ống	Cái	67	
11	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn	Hộp đựng vật sắc nhọn nguy hiểm trong phòng tiêm, phòng xét nghiệm Màu sắc: vàng Chất liệu: Giấy Carton Kích thước 150 x 120x270mm	Cái	125	
12	Hộp inox chữ nhật có nắp	Chất liệu Inox. Kích thước 23 x 11 x 5cm	Cái	30	



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Hộp inox đựng bông gòn	Chất liệu Inox. Kích thước 7,5 x 6cm	Cái	30	
14	Kéo thẳng y tế	Chất liệu Inox. Dài 16cm	Cái	25	
15	Khay inox chữ nhật	Chất liệu Inox. Kích thước 40 x 60cm	Cái	13	
16	Khẩu trang y tế	Khẩu trang dùng 1 lần, bị 1 cái. Đóng gói hộp 50 cái	Hộp	324	
17	Lam kính đầu nhám	Độ mỏng 1-1,2mm, bề mặt nhám 1 đầu	Cái	1.440	
18	Mũ giấy y tế	Mũ giấy y tế dùng 1 lần. Bị ≥ 100 cái	Cái	3.550	
19	Ống ly tâm	Chất liệu nhựa PP, ống ly tâm chia vạch. Dung tích ≥ 50 ml	Cái	7.900	
20	Pen thẳng không máu	Dùng để kẹp bông băng, Dài 16cm	Cái	30	
21	Hòm lạnh bảo quản vacin chuyên dụng	Phích bảo quản trong việc vận chuyển, lưu trữ vaccin. Thể tích 2.6 lít	Cái	7	
22	Pipet nhựa vô trùng	Thể tích ≥ 3 ml, chiều dài ≥ 15 ml, có bầu nhựa, có chia vạch	Cái	5.400	
23	Pipet tự động	Pipet đơn kênh tự động kích cỡ 500 μ l	Cái	1	
24	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể HIV 1, HIV - 2	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính các kháng thể HIV - 1 và HIV - 2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. Độ đặc hiệu: $\geq 99,40\%$ Độ nhạy: $\geq 100\%$ Bảo quản ở nhiệt độ: 2°C đến 30°C Hộp ≥ 100 test	Test	700	
25	Viên khử khuẩn dụng cụ	Viên nén dạng sủi tan nhanh 4,72g	Viên	3.600	
26	Chất hỗ trợ môi trường cấy lỏng (Kit bactec mgit 960 supplement)	Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.6g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 μ g, Nalidixic axit 2,400 μ g, Trimethoprim 600 μ g, Azlocillin 600 μ g. Bảo quản ở 2 -8°C. Đóng gói 12 lọ x 15ml	Hộp	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	Tube môi trường cấy lỏng (BBL MGPT)	Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. Mỗi ống chứa 110 μ L chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9. Bảo quản ở 2 - 25°C. Đóng gói hộp 100 ống	Hộp	1	
28	Test định danh vi khuẩn lao (MGIT Tbe Identification Test)	Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. Bảo quản ở 2 - 35°C. Đóng gói hộp 25 test	Hộp	1	
29	Hóa chất chuẩn máy MGIT (Kit calibrator MGIT 960)	Bộ ống chuẩn cho máy cấy lao. Đóng gói hộp 17 ống	Hộp	1	
30	Xanh metylen	Lọ thủy tinh hóa chất có màu xanh dương đậm. Đóng gói lọ 100g	Lọ	1	
31	Fuchsine	Thành phần thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Đóng gói lọ 100g	Lọ	1	
32	Phenol	Dùng sử dụng trong phòng thí nghiệm Khối lượng phân tử: 94,11g/mol Tỷ trọng: 1,07g/cm ³ . Đóng gói chai 1kg	Chai	1	
33	Acid HCL	Acid Chlorhydric 37%. Đóng gói chai 1 lít	Chai	1	
34	NaOH (Sodium Hydroxide)	Không mùi, dễ tan trong nước Chất rắn màu trắng dạng viên, có đặc điểm hút ẩm mạnh, dễ chảy rữa. Đóng gói : 1kg	Chai	1	
35	Na ₂ HPO ₄ (di-Sodium phosphate)	Công thức hóa học : Na ₂ HPO ₄ , Dạng bột màu trắng hoặc tinh thể không màu, tan trong nước. Đóng gói :500g	Chai	1	



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
36	KH ₂ PO ₄ (Potassium dihydrogen phosphate)	Chất bột màu trắng, PH=4,2-4,6 Đóng gói : 1kg	Chai	1	
37	Tri Sodium citrate C ₆ H ₅ Na ₃ O ₇	Công thức hóa học : C ₆ H ₅ Na ₃ O ₇ * 2 H ₂ O Chất rắn màu trắng Thành phần: - Nồng độ: 99.0 - 101.0% - Chloride (Cl): ≤ 0.001% - Phosphate (PO ₄): ≤ 0.002% - Sulfate (SO ₄): ≤ 0.004% - Total nitrogen (N): ≤ 0.001% - Ca (Calcium): ≤ 0.005% - Fe (Iron): ≤ 0.0005% Đóng gói : 500g	Chai	1	
38	NALC (N-Acetyl-L-cystein)	Công thức hóa học : C ₅ H ₉ NO ₃ S Thành phần : - Kim loại nặng (dưới dạng Pb) ≤ 0,001% - NH ₄ (Amoni) ≤ 0,01% - L-cystein (HPLC) ≤ 0,02% Đóng gói : 100g	Lọ	1	
39	Dầu soi	Tính chất: :- Hình thể: lỏng, màu vàng nhạt Đóng gói - Mật độ 1,02 g / cm ³ (20 ° C) : Chai thủy tinh 500ml	Chai	1	
	Tổng cộng: 39 mặt hàng				